

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CHÂU THÀNH
TỈNH KIÊN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 24/2018/DS-ST

Ngày: 17 - 09 - 2018

V/v “*Tranh chấp hợp đồng dân sự
về vay tài sản*”

NHÂN DANH

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHÂU THÀNH, TỈNH KIÊN GIANG**
- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thị Thúy Hằng.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Văn Kiệt.

2. Ông Nhâm Đức Hùng.

- Thư ký phiên tòa: Ông Lý Văn Toán -Thư ký Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Kiên Giang

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Kiên Giang:
Ông Lâm Sễn- Kiểm sát viên.

Ngày 17 tháng 09 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, Kiên Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 12/2018/TLST- DS, ngày 31 tháng 01 năm 2018 về việc "Tranh chấp hợp đồng dân sự vay tài sản" theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 27/2018/QĐST-DS, ngày 20 tháng 8 năm 2018 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Ông **Châu C**, sinh năm 1949 (Có mặt)

Địa chỉ: KP. Minh An, TT. Minh Lương, huyện Châu Thành, tỉnh Kiên Giang.

2. *Bị đơn:* Ông **Đỗ Thanh B, (Đỗ Văn B); (N)**, sinh năm 1976 (Có mặt)

Bà **Huỳnh Thị Ú**, sinh năm 1979 (Vắng mặt nhưng có đơn xin vắng mặt)

Cùng địa chỉ: ấp Minh L, xã Minh H, huyện Châu Th, tỉnh K.

Bà Ú có đơn xin xét xử vắng mặt

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 12-12-2017 và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn ông Châu C trình bày: Nguyên vào ngày 30-3-2016 (âm lịch) nhằm ngày 06-5-2016 (dương lịch), ông Đỗ Thanh B, (Đỗ Văn B), (N) và vợ là bà Huỳnh Thị Ú có đến nhà gặp ông để hỏi vay số tiền là 15.000.000đ

(Mười lăm triệu đồng) với lãi suất thỏa thuận là 1.000.000đ/tháng, hai bên không thỏa thuận thời hạn thanh toán tiền gốc. Từ khi vay đến nay ông B, bà Ú không thực hiện đúng theo thỏa thuận nên ông đã nhiều lần gặp ông B, bà Ú yêu cầu thanh toán tiền gốc và lãi cho ông nhưng ông B, bà Ú tiếp tục hứa mà không thực hiện việc. Tính đến hiện nay vợ chồng ông B, bà Ú còn nợ tôi tiền gốc 15.000.000đ và tiền lãi 20 tháng với số 20.000.000đ, tổng cộng gốc + lãi là 35.000.000đ (Ba mươi lăm triệu đồng).

Tại phiên tòa hôm nay ông Châu C: Yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết buộc ông Đỗ Thanh B,(Đỗ Văn B), (N) và bà Huỳnh Thị Ú phải có nghĩa vụ thanh toán cho ông số tiền vay gốc là 15.000.000 và tiền lãi là 20.000.000đ, tổng cộng gốc và lãi là 35.000.000đ (Ba mươi lăm triệu đồng).

Bị đơn ông Đỗ Thanh B(Đỗ Văn B), (N) trình bày: Vào ngày 30-3-2016 âm lịch nhằm ngày 06-5-2016 dương lịch, ông có vay tiền của ông Châu C với số tiền là 15.000.000 đồng, lãi suất thỏa thuận mỗi tháng 1.000.000 đồng/15.000.000 đồng, hai bên không thỏa thuận thời hạn thanh toán tiền gốc, khi nào có sẽ trả hết. Ông vay tiền của ông C về làm vốn chăn nuôi vịt cải thiện cuộc sống gia đình, nhưng vịt bị chết hết nên không còn khả năng trả nợ.

Ông B thừa nhận hiện nay ông còn nợ ông Châu C số tiền vay gốc là 9.000.000 đồng và tiền lãi là 6.000.000 đồng, tổng cộng gốc và lãi là 15.000.000 đồng. Trong quá trình vay vốn ông đã trả tiền gốc cho ông C với số tiền là 6.000.000 đồng , nhưng khi trả không có làm biên nhận cũng như không có ai chứng kiến nên không có gì để chứng minh việc thanh toán tiền nợ này.

Tại phiên tòa hôm nay ông Đỗ Thanh B(Đỗ Văn B), (N) xác nhận hiện nay còn nợ ông C số tiền vay gốc là 9.000.000 đồng và tiền lãi 6.000.000đ, ông đồng ý thanh toán số tiền nợ trên cho ông C nhưng hiện nay do hoàn cảnh gia đình gặp rất khó khăn nên xin được trả dần dần cho đến khi thanh toán dứt nợ.

- Bị đơn bà Huỳnh Thị Ú vắng mặt tại phiên tòa nhưng trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại đơn xin xét xử vắng mặt đã trình bày : Thừa nhận hiện nay còn nợ ông C số tiền vay gốc là 9.000.000 đồng và tiền lãi là 6.000.000đ, bà đồng ý cùng ông B thanh toán số tiền nợ trên cho ông C nhưng hiện nay do hoàn cảnh gia đình gặp rất khó khăn nên xin được trả dần số tiền trên.

** Ý kiến phát biểu của Kiểm sát viên tham gia phiên tòa:*

- Về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán và Hội đồng xét xử; Việc chấp hành pháp luật của ngườì tham gia tố tụng dân sự, kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị

án: đã thực hiện đúng theo quy định của pháp luật tố tụng dân sự. Tuy nhiên có vi phạm về thời hạn xét xử.

- Về quan điểm giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Châu C về việc yêu cầu ông Đỗ Thanh B, (Đỗ Văn B), (Nam) và bà Huỳnh Thị Ú phải thanh toán cho ông C số tiền vay gốc là 15.000.000 và tiền lãi theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thủ tục tố tụng: Theo đơn khởi kiện ngày 12-12-2017 cùng các tài liệu chứng cứ kèm theo của nguyên đơn ông Châu C đã được Tòa án thụ lý vào ngày 31-01-2018 là trong thời hiệu khởi kiện theo quy định tại Điều 429 của Bộ luật dân sự năm 2015 và vụ án này thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Châu Thành theo quy định tại khoản 3 Điều 26, điểm a, khoản 1 Điều 35, điểm a, khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Bị đơn bà Huỳnh Thị Ú có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt, tại phiên tòa nguyên đơn thống nhất xử vắng mặt bị đơn- Do đó Hội đồng xét xử thống nhất áp dụng khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 để xét xử vắng mặt bà Huỳnh Thị Ú là hoàn toàn phù hợp với quy định pháp luật.

Yêu cầu khởi kiện của ông Châu C về việc yêu cầu ông Đỗ Thanh B, (Đỗ Văn B), (Nam) và bà Huỳnh Thị Ú thanh toán cho ông số tiền vay gốc là 15.000.000 đồng và tiền lãi 20.000.000 đồng - HĐXX nhận định đây là quan hệ tranh chấp về hợp đồng dân sự vay tài sản nhưng do giao dịch dân sự này được thực hiện vào ngày 06-5-2016 dương lịch nên áp dụng các quy định tại Điều 471, Điều 473, Điều 474 Bộ luật Dân sự năm 2005 để giải quyết cho đương sự.

[2] - Về nội dung vụ án: Nguyên đơn ông Châu C yêu cầu Tòa án buộc ông B, bà Ú thanh toán số tiền vay gốc là 15.000.000 và lãi 20 tháng là 20.000.000đ, tổng cộng gốc lãi là 35.000.000đ (Ba mươi lăm triệu đồng).

Còn bị đơn ông Đỗ Thanh B (Đỗ Văn B), (Nam), bà Huỳnh Thị Ú thừa nhận hiện nay còn nợ ông C số tiền vay gốc là 9.000.000 đồng và tiền lãi là 6.000.000 đồng, ông bà đồng ý trả số tiền nợ trên cho ông C, nhưng hiện nay hoàn cảnh gia đình đang gặp khó khăn nên xin được trả dần cho đến khi dứt nợ.

Căn cứ vào các tình tiết, tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đối chiếu với các điều luật mà pháp luật quy định cùng lời khai của các đương sự trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa cho thấy việc ông Châu C yêu cầu ông B, bà Ú thanh toán số tiền vay gốc 15.000.000 và lãi 20 tháng là 20.000.000đ, tổng

cộng gốc lãi là 35.000.000đ (Ba mươi lăm triệu đồng) là có cơ sở để chấp nhận một phần:

Hội đồng xét xử xét thấy, giao dịch dân sự giữa các đương sự là hoàn toàn tự nguyện, không ai ép buộc và phù hợp theo Điều 471 Bộ luật dân sự năm 2005 về hợp đồng vay tài sản, bị đơn ông Đỗ Thanh B, (Đỗ Văn B), (N) và bà Huỳnh Thị Ú đã nhận được tài sản thì phải có nghĩa vụ trả nợ theo quy định tại Điều 474 Bộ luật dân sự năm 2005.

Ông Cuội đã thực hiện hoàn thành nghĩa vụ của bên cho vay khi đã giao tiền cho ông B, bà Ú đầy đủ ; còn ông B, bà Ú chưa thực hiện được nghĩa vụ của bên đi vay theo như hợp đồng đã ký kết giữa hai bên. Ông B, bà Ú thừa nhận có vay của ông Cuội số tiền gốc 15.000.000đ , nhưng ông, bà cho rằng trong quá trình vay đã trả cho ông C số tiền gốc 6.000.000đ và đóng lãi hàng tháng (nhưng khi trả tiền cũng như đóng lãi không có làm biên nhận cũng như không có ai chứng kiến).Trong quá trình làm việc tại Tòa án cũng như tại phiên tòa ông B, bà Ú không có cung cấp tài liệu, chứng cứ gì chứng minh cho việc khai nại của mình để Hội đồng xét xử xem xét.

Căn cứ khoản 02 Điều 91 Bộ luật tố tụng dân sự quy định về nghĩa vụ chứng minh của đương sự “ Đương sự phản đối yêu cầu của người khác đối với mình phải thể hiện bằng văn bản và phải thu thập, cung cấp, giao nộp cho tòa án tài liệu, chứng cứ để chứng minh cho việc khởi kiện, yêu cầu của mình là có căn cứ và hợp pháp”. Nhưng trong quá trình giải quyết vụ án, ông B, bà Ú không cung cấp tài liệu chứng cứ nào chứng minh cho lời khai nại của mình nên Hội đồng xét xử không chấp nhận như đã phân tích trên.

Do phía bị đơn đã vi phạm nghĩa vụ thanh toán nợ, kéo dài thời gian trả nợ cho nguyên đơn, vi phạm quy định Điều 474 Bộ luật dân sự năm 2005 (BLDS), làm ảnh hưởng đến lợi ích hợp pháp của nguyên đơn. Vì vậy, cần xử buộc bị đơn có nghĩa vụ trả cho nguyên đơn số tiền vay nợ gốc là 15.000.000đ (Mười lăm triệu đồng) và tiền lãi theo quy định của pháp luật là hoàn toàn phù hợp với quy định của pháp luật.

[3] Về lãi suất: Hợp đồng vay tài sản mà hai bên thỏa thuận là 1.000.000 đồng/15.000.000 đồng/tháng là cao vượt quá theo quy định tại Điều 476 Bộ luật dân sự, khoản 1 Điều 476 Bộ luật dân sự quy định “*Lãi suất vay do các bên thỏa thuận nhưng không được vượt quá 150% của lãi suất cơ bản do Ngân hàng nhà nước công bố đối với loại cho vay tương ứng*”. Tại phiên tòa nguyên đơn ông Châu C yêu cầu lãi là 20 tháng với tổng số tiền là 20.000.000 đồng. Do đó cần phải

tính lại mức lãi suất trên số tiền nợ vay 15.000.000 đồng cho phù hợp với quy định của pháp luật, cụ thể như sau:

Theo Quyết định số: 2868/QĐ-NHNN ngày 29-11-2010 của Thống Đốc Ngân Hàng Nhà nước Việt Nam quy định lãi suất trong hạn là: $9\% / 1 \text{ năm} = 0,75\% / 1 \text{ tháng}$. Mặt khác tại khoản 1 điều 476 BLDS năm 2005 quy định: “Lãi suất do các bên thỏa thuận nhưng không được vượt quá 150% của lãi suất cơ bản do Ngân Hàng Nhà Nước công bố đối với loại cho vay tương ứng.” - Thì loại vay trong giao dịch dân sự giữa ông C và ông B, bà Ú được tính lãi suất trong hạn bằng $0,75\% / 1 \text{ tháng}$ và lãi suất quá hạn bằng $1,125\% / 1 \text{ tháng}$ là phù hợp theo quy định của pháp luật.

Từ ngày 06-5-2016 đến ngày xét xử sơ thẩm ngày 17-9-2018 là 28 tháng 11 ngày, nhưng ông Châu C chỉ yêu cầu tính lãi 20 tháng: $15.000.000 \text{ đồng} \times 1,125\% \times 20 \text{ tháng} = 3.375.000 \text{ đồng}$.

So sánh với tiền lãi mà ông C yêu cầu Tòa án buộc ông B, bà Ú thanh toán tiền lãi 20 tháng với tổng số tiền là 20.000.000 đồng là vượt quá so với tiền lãi mà pháp luật quy định, vì vậy, ông C chỉ được chấp nhận tiền lãi 20 tháng với số tiền là 3.375.000 đồng, nên yêu cầu tiền lãi của ông chỉ được chấp nhận một phần.

Từ những căn cứ nhận định trên Hội đồng xét xử thống nhất chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Châu C buộc bị đơn ông Đỗ Thanh B, (Đỗ Văn B), (N) và bà Huỳnh Thị Ú phải có nghĩa vụ liên đới thanh toán cho ông Châu C số tiền vay gốc là 15.000.000 đồng và tiền lãi là 3.375.000 đồng. Tổng cộng gốc và lãi là 18.375.000 đồng.

Việc ông B, bà Ú thanh toán số tiền nợ vay trên cho ông Cuội như thế nào thì thuộc vào thẩm quyền giải quyết của Chi cục Thi hành án dân sự khi bản án có hiệu lực pháp luật.

[4] Xét ý kiến của kiểm sát viên: HĐXX xét thấy ý kiến của kiểm sát viên phát biểu là phù hợp theo quy định pháp luật nên ghi nhận.

[5] - Về án phí: Căn cứ Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Căn cứ khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 01 tháng 01 năm 2017 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn giảm thu, nộp và sử dụng án phí và lệ phí tòa án buộc bị đơn ông Đỗ Thanh B, (Đỗ Văn B), (N) và bà Huỳnh Thị Ú phải nộp án phí dân sự sơ thẩm cụ thể là $18.375.000 \text{ đồng} \times 5\% = 918.750 \text{ đồng}$.

Buộc nguyên đơn ông Châu C phải nộp án phí dân sự sơ thẩm trên phần tiền lãi không được chấp nhận cụ thể là $(20.000.000\text{đ} - 3.375.000\text{đ}) = 16.625.000 \text{ đồng}$

x 5%= 831.250 đồng nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí sơ thẩm 875.000 đồng theo biên lai thu tiền số 0000932 ngày 31-01-2018 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Châu Th, tỉnh K, ông C được nhận lại số tiền 43.750 đồng theo biên lai trên.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ vào Điều 26, Điều 35, Điều 39, 147, 228, 271, 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

- Căn cứ vào Điều 688 Bộ luật dân sự 2015;

- Căn cứ vào các Điều 471, 474, 476 Bộ luật dân sự 2005;

- Căn cứ khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 01 tháng 01 năm 2017 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn giảm thu, nộp và sử dụng án phí và lệ phí tòa án

Tuyên xử:

1- Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Châu C về việc “ *Tranh chấp hợp đồng dân sự vay tài sản* ” đối với bị đơn ông Đỗ Thanh B, (Đỗ Văn B), (N) và bà Huỳnh Thị Ú.

2- Buộc ông Đỗ Thanh B (N) và bà Huỳnh Thị Ú phải có nghĩa vụ liên đới thanh toán cho ông Châu C số tiền vay gốc là 15.000.000 đồng, tiền lãi là 3.375.000 đồng. Tổng cộng gốc và lãi là 18.375.000 đồng.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật, người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án, nếu người phải thi hành án không trả số tiền nêu trên thì còn phải trả cho người được thi hành án khoản tiền lãi theo mức lãi suất theo quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự 2015 tương ứng với thời gian chậm thi hành án.

3- Về án phí: Buộc ông Đỗ Thanh B (Nam) và bà Huỳnh Thị Ú phải nộp án phí dân sự sơ thẩm là 918.750 đồng.

Buộc ông Châu C phải nộp án phí dân sự sơ thẩm với số tiền là 831.250 đồng nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí sơ thẩm 875.000 đồng theo biên lai thu tiền số 0000932 ngày 31/01/2018 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Châu Th, tỉnh Kiên Giang, ông C được nhận lại số tiền 43.750 đồng.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7a, 7b và 9 Luật Thi

hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

4 - Các đương sự có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- TAND tỉnh Kiên Giang;
- VKSND huyện Châu Thành;
- Chi cục THADS huyện Châu Thành;
- Lưu: hồ sơ; V.phòng.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lê Thị Thúy Hằng